

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 51

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Số 16A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Bà Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Đình Trường	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Trọng Bài	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014
Ông Trịnh Ngọc Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2014
Ông Hà Đức Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2014

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Tinh	Ủy viên

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tam ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 61060845/17105643-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2014.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1



Lã Quý Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>801.473.216.852</b>	<b>707.546.823.009</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>230.408.794.588</b>	<b>22.984.476.131</b>
111	1. Tiền		24.408.794.588	21.484.476.131
112	2. Các khoản tương đương tiền		206.000.000.000	1.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>12.053.754.836</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	12.053.754.836
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>318.445.015.641</b>	<b>244.589.495.066</b>
131	1. Phải thu khách hàng	7.1	175.041.575.880	61.537.800.906
132	2. Trả trước cho người bán	7.2	120.213.145.912	167.684.298.980
135	3. Các khoản phải thu khác	8	26.582.747.216	17.848.189.760
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(3.392.453.367)	(2.480.794.580)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>223.478.998.410</b>	<b>394.889.741.070</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	225.542.145.098	395.016.392.327
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.063.146.688)	(126.651.257)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>29.140.408.213</b>	<b>33.029.355.906</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	25.797.782.881	30.283.843.134
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		44.781.695	1.110.326.021
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		255.135.676	34.979.825
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.042.707.961	1.600.206.926



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.439.923.043.746</b>	<b>1.475.392.547.001</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>24.824.630</b>	<b>8.894.316.717</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	47.324.630	8.916.816.717
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.370.777.570.330</b>	<b>1.394.791.966.072</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.288.885.286.664	1.295.654.006.675
222	Nguyên giá		2.405.929.882.744	2.278.564.734.255
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.117.044.596.080)	(982.910.727.580)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	6.499.203.752	18.762.139.945
228	Nguyên giá		14.596.060.332	27.296.298.332
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.096.856.580)	(8.534.158.387)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	75.393.079.914	80.375.819.452
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>35.553.312.333</b>	<b>51.506.739.780</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		20.062.612.333	19.700.864.578
258	2. Đầu tư dài hạn khác		15.490.700.000	31.805.875.202
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>33.567.336.453</b>	<b>19.123.979.299</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	33.202.073.850	19.069.452.826
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	365.262.603	54.526.473
<b>269</b>	<b>V. Lợi thế thương mại</b>		<b>-</b>	<b>1.075.545.133</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.241.396.260.598</b>	<b>2.182.939.370.010</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>774.403.637.337</b>	<b>882.413.745.486</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>715.979.261.947</b>	<b>633.174.359.295</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	511.570.040.280	396.669.234.020
312	2. Phải trả người bán		67.657.090.949	68.249.641.180
313	3. Người mua trả tiền trước		383.205.666	25.835.940.398
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.360.534.819	10.846.040.452
315	5. Phải trả người lao động		19.960.398.858	19.833.456.874
316	6. Chi phí phải trả	19	9.543.071.327	16.509.802.372
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	19.746.051.405	39.249.724.672
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	68.758.868.643	55.980.519.327
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>58.424.375.390</b>	<b>249.239.386.191</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.040.687.623	1.760.988.619
334	2. Vay và nợ dài hạn	22	2.000.000.000	200.000.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	-	395.548
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		-	452.987.292
339	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23	55.383.687.767	47.025.014.732
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.466.548.545.531</b>	<b>1.289.015.968.690</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>1.465.709.837.274</b>	<b>1.288.526.371.633</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		700.000.000.000	500.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		180.276.411.784	180.276.411.784
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		507.327.289.159	491.067.590.288
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		65.327.108.335	62.856.684.456
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		133.182.845	133.182.845
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.645.845.151	54.192.502.260
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>838.708.257</b>	<b>489.597.057</b>
432	1. Nguồn kinh phí		755.373.593	406.262.393
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		83.334.664	83.334.664
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>25</b>	<b>444.077.730</b>	<b>11.509.655.834</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.241.396.260.598</b>	<b>2.182.939.370.010</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng Việt Nam)		229.150.860.000	31.378.857.143
2. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)		1.565.227.263	1.383.146.051
3. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		2.645	2.650

  
 Người lập  
 Lê Đức Anh

  
 Kế toán trưởng  
 Lê Thị Huệ

  
 Tổng Giám đốc  
 Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.733.109.059.477	1.848.159.136.143
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(81.478.771)	(770.237.703)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.733.027.580.706	1.847.388.898.440
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(1.525.946.168.520)	(1.621.632.273.142)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		207.081.412.186	225.756.625.298
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	4.006.413.193	5.065.330.859
22	7. Chi phí tài chính	28	(65.332.834.194)	(98.832.159.216)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(60.206.836.657)	(86.529.077.787)
24	8. Chi phí bán hàng		(28.665.572.738)	(22.399.285.083)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(55.171.611.138)	(52.776.719.496)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.917.807.309	56.813.792.362
31	11. Thu nhập khác	29	6.721.139.306	9.978.373.144
32	12. Chi phí khác	29	(6.956.255.580)	(10.791.591.172)
40	13. Lỗ khác	29	(235.116.274)	(813.218.028)
45	14. Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	15.1	186.364.328	(483.614.840)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		61.869.055.363	55.516.959.494
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(15.758.503.216)	(13.766.775.430)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	311.131.678	(191.274.365)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		46.421.683.825	41.558.909.699
61	Trong đó: (Lỗ)/lợi ích của các cổ đông thiểu số	25	(4.922.031.038)	1.114.095.518
62	Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	24.1	51.343.714.863	40.444.814.181
70	19. Lãi trên cổ phiếu	33		
	- Lãi cơ bản		942	809
	- Lãi suy giảm		942	809



Người lập  
Lê Đức Anh



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>61.869.055.363</b>	<b>55.516.959.494</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		150.701.711.312	117.452.483.842
03	Các khoản dự phòng		933.487.290	(7.252.061.035)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(1.636.069)
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		761.361.706	7.428.597.772
06	Chi phí lãi vay	28	60.206.836.657	86.529.077.787
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>274.472.452.328</b>	<b>259.673.421.791</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(48.524.332.497)	248.671.166.527
10	Giảm hàng tồn kho		160.314.982.215	47.359.830.381
11	Tăng các khoản phải trả		14.090.561.737	21.105.956.621
12	Giảm chi phí trả trước		2.106.199.614	23.990.004.404
13	Tiền lãi vay đã trả		(62.165.925.230)	(88.368.196.430)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(16.840.793.918)	(20.960.742.026)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.542.386.483	1.760.165.053
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.503.098.887)	(11.131.009.769)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>321.492.431.845</b>	<b>482.100.596.552</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(184.919.723.279)	(121.469.018.212)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	8.852.879.143
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.078.350.398)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		6.600.000.000	1.108.830.981
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(233.400.000)	(972.323.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/bán công ty con		18.000.000.000	1.900.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.353.078.969	2.498.372.873
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(159.200.044.310)</b>	<b>(109.159.608.613)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.243.506.294.658	1.310.704.380.329
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.126.605.488.398)	(1.738.417.675.168)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(71.768.875.338)	(49.952.486.483)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>45.131.930.922</b>	<b>(477.665.781.322)</b>
50	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		<b>207.424.318.457</b>	<b>(104.724.793.383)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		<b>22.984.476.131</b>	<b>127.707.687.320</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	<b>1.582.194</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	<b>5</b>	<b>230.408.794.588</b>	<b>22.984.476.131</b>



Người lập  
Lê Đức Anh



Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ



Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 1999 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy cồn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 1	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Trung tâm Công nghệ cao	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 720 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 807).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn (*)	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
4	Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (**)	97,84%	100%	Huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (***)	95,04%	97,78%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
6	Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh	90,04%	90,04%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Đào tạo cao đẳng và dạy nghề

(\*) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng.

(\*\*) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con là Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn.

(\*\*\*) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con là Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng và Công ty TNHH Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty và các Công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa       | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập và phân bổ đều chi phí khấu hao của cả năm tài chính cho các tháng mà các nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính.
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	30 - 35 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

#### 3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí tiền thuê đất; và
- ▶ Các chi phí khác.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại** (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là ba (3) năm.

*Các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát*

Khi Công ty mua lại lợi ích của các cổ đông thiểu số trong một công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối trên vốn chủ sở hữu.

Khi Công ty chuyển nhượng một phần quyền sở hữu trong một công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của tài sản thuần đã bán được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối trên vốn chủ sở hữu.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (3) năm. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác*

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 *Quỹ phát triển khoa học và công nghệ***

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 9 tháng 2 năm 2011. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

**3.15 *Nguồn kinh phí sự nghiệp***

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

**3.16 *Ghi nhận doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty và các công ty con quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính không được niêm yết.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty và các công ty con xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.18 Công cụ tài chính** (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và các khoản vay ngân hàng và trái phiếu chuyển đổi.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**3.19 Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách áp dụng lãi suất thị trường cho loại trái phiếu không chuyển đổi tương tự. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Các chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi sau khi trừ thuế cũng được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ phân chia tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các thành phần nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC GIAO DỊCH MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN TRONG NĂM**

**Mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty số 97 NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 12 năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 650.000 cổ phần (tương đương 41,94% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn, một công ty con, từ các cổ đông khác trong giai đoạn từ ngày 10 tháng 12 năm 2014 đến ngày 23 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Công ty đã nắm giữ toàn bộ vốn cổ phần tại công ty con này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Giá phí phải trả bằng tiền cho các giao dịch mua thêm cổ phần nêu trên là 6.500.000.000 đồng. Tại ngày chuyển nhượng, giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua thêm là 6.087.375.414 đồng. Phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần là 412.624.586 đồng được Công ty ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	5.091.997.086	2.032.130.150
Tiền gửi ngân hàng	19.316.797.502	19.452.345.981
Các khoản tương đương tiền (*)	206.000.000.000	1.500.000.000
	<b><u>230.408.794.588</u></b>	<b><u>22.984.476.131</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất khoảng 4,7% – 5,5%/năm.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cho vay ngắn hạn	-	12.053.754.836
	<b><u>-</u></b>	<b><u>12.053.754.836</u></b>

Cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm các khoản phải thu tiền gốc cho vay ngắn hạn và lãi vay phát sinh từ các hợp đồng cho Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển, một công ty liên kết của Công ty, vay với số tiền tương ứng là 8.031.615.336 đồng và 4.022.139.500 đồng. Trong năm 2014, Công ty đã chấp thuận không tính lãi vay đối với khoản cho vay ngắn hạn này căn cứ theo văn bản thỏa thuận được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển vào ngày 31 tháng 3 năm 2014. Cũng tại ngày này, Công ty đã phân loại số dư gốc tiền vay ngắn hạn sang tài khoản phải thu ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**7.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	171.968.368.230	58.616.197.906
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>3.073.207.650</u>	<u>2.921.603.000</u>
	<b><u>175.041.575.880</u></b>	<b><u>61.537.800.906</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.392.453.367)	(2.480.794.580)

**7.2 Trả trước cho người bán**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	62.747.902.802	111.462.114.768
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>57.465.243.110</u>	<u>56.222.184.212</u>
	<b><u>120.213.145.912</u></b>	<b><u>167.684.298.980</u></b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền chuyển nhượng cổ phần (*)	13.768.938.800	6.968.730.000
Các khoản cho vay không lãi suất (**)	8.504.060.306	1.704.072.100
Phải thu từ Dự án tưới nước nhỏ giọt	-	440.409.109
Lãi dự thu	-	2.430.871.629
Các khoản phải thu công nhân viên	812.330.978	3.394.966.236
Phải thu khác	<u>3.497.417.132</u>	<u>2.909.140.686</u>
	<b><u>26.582.747.216</u></b>	<b><u>17.848.189.760</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>18.078.686.910</i>	<i>17.848.189.760</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	<i>8.504.060.306</i>	<i>-</i>

(\*) Bao gồm khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn như được trình bày tại Thuyết minh số 15.2.

(\*\*) Bao gồm khoản cho vay Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thành phẩm	21.139.609.221	153.469.811.182
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	147.611.867.865	202.624.868.513
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.613.716.197	33.924.941.976
Công cụ, dụng cụ	1.520.748.805	2.257.639.986
Hàng hóa	2.656.203.010	2.739.130.670
	<b><u>225.542.145.098</u></b>	<b><u>395.016.392.327</u></b>

*Chi tiết trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:*

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	126.651.257	4.171.541.290
Tăng: Dự phòng trích lập thêm trong năm	2.063.146.688	126.651.257
Giảm: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(126.651.257)	(4.171.541.290)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.063.146.688</u></b>	<b><u>126.651.257</u></b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí kiểm tra, bảo trì, sửa chữa	21.280.269.779	20.348.909.800
Chi phí kiểm soát chất lượng và môi trường	-	410.076.323
Công cụ, dụng cụ	711.312.846	2.250.026.515
Chi phí chờ phân bổ tại Trung tâm Công nghệ cao	17.760.668	3.348.474.373
Hỗ trợ chênh lệch giá ngọn giống mía	-	1.772.584.328
Chi phí khác	3.788.439.588	2.153.771.795
	<b><u>25.797.782.881</u></b>	<b><u>30.283.843.134</u></b>

**11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu tiền đầu tư dự án tưới nước nhỏ giọt	-	8.849.162.575
Phải thu dài hạn các đối tượng khác	47.324.630	67.654.142
	<b><u>47.324.630</u></b>	<b><u>8.916.816.717</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	393.625.202.023	1.786.333.904.286	75.865.064.402	22.207.173.544	533.390.000	2.278.564.734.255
- Mua trong năm	120.351.485	10.224.638.435	265.000.000	-	-	10.609.989.920
- Đầu tư XDCB hoàn thành	25.913.741.816	87.593.061.932	-	596.385.652	-	114.103.189.400
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15.2)	2.917.527.091	-	-	-	-	2.917.527.091
- Tăng khác	(402.975.455)	1.173.270.000	-	-	-	1.173.270.000
- Giảm do góp vốn bằng tài sản	(242.364.000)	(231.889.325)	(511.047.273)	(50.551.869)	-	(402.975.455)
- Giảm khác						(1.035.852.467)
Số cuối năm	421.931.482.960	1.885.092.985.328	75.619.017.129	22.753.007.327	533.390.000	2.405.929.882.744
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	109.858.738.512	532.161.415.199	37.080.199.570	17.597.749.898	-	696.698.103.179
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	188.812.273.473	720.356.284.697	54.102.630.458	19.540.695.639	98.843.313	982.910.727.580
- Khấu hao trong năm	16.468.885.514	115.451.408.979	4.947.816.190	942.877.051	50.369.400	137.861.357.134
- Tăng khác	-	97.076.038	-	-	-	97.076.038
- Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15.2)	557.596.729	-	-	-	-	557.596.729
- Giảm do góp vốn bằng tài sản	(273.314.884)	(3.569.928.982)	(199.217.001)	(45.460.259)	-	(273.314.884)
- Giảm khác (*)	(294.240.275)					(4.108.846.517)
Số cuối năm	205.271.200.557	832.334.840.732	58.851.229.647	20.438.112.431	149.212.713	1.117.044.596.080
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	204.812.928.550	1.065.977.619.589	21.762.433.944	2.666.477.905	434.546.687	1.295.654.006.675
Số cuối năm	216.660.282.403	1.052.758.144.596	16.767.787.482	2.314.894.896	384.177.287	1.288.885.286.664

(\*) Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị hao mòn lũy kế của một số tài sản cố định hữu hình ghi nhận từ các năm tài chính trước căn cứ theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa ngày 14 tháng 12 năm 2013 (đối với năm tài chính 2012) và Biên bản thanh tra của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 2014 (đối với năm tài chính 2013).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VNĐ

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	3.117.702.014	15.146.116.600	9.032.479.718	27.296.298.332
- Mua trong năm	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000
- Giảm khác (*)	-	(14.400.238.000)	-	(14.400.238.000)
Số cuối năm	4.817.702.014	745.878.600	9.032.479.718	14.596.060.332
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	1.396.609.237	7.137.549.150	8.534.158.387
- Hao mòn trong năm	-	37.293.934	698.249.920	735.543.854
- Giảm khác (*)	-	(1.172.845.661)	-	(1.172.845.661)
Số cuối năm	-	261.057.510	7.835.799.070	8.096.856.580
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	3.117.702.014	13.749.507.363	1.894.930.568	18.762.139.945
Số cuối năm	4.817.702.014	484.821.090	1.196.680.648	6.499.203.752

(\*) Trong năm, Công ty đã phân loại giá trị quyền sử dụng đất không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án khách sạn Lam Sơn (*)	-	25.149.004.932
Dự án văn phòng làm việc, nhà ở (**)	23.526.099.894	21.797.550.713
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	21.563.489.457	16.182.302.204
Dự án nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn - Bá Thước	22.421.105.978	10.132.006.131
Chi phí sửa chữa, nâng cấp văn phòng giao dịch Cánh Nàng	-	4.763.030.408
Các dự án khác	7.882.384.585	2.351.925.064
	<b>75.393.079.914</b>	<b>80.375.819.452</b>

(\*) Toàn bộ giá trị Dự án Khách sạn Lam Sơn đã được Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn theo Biên bản xác định giá trị tài sản góp vốn ngày 15 tháng 5 năm 2014 (Thuyết minh số 15.2).

(\*\*) Dự án văn phòng làm việc, nhà ở chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của dự án văn phòng làm việc khu Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội được Công ty đầu tư từ năm 2012. Công ty hiện đang tạm dừng việc triển khai dự án này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	15.1	20.062.612.333	19.700.864.578
Đầu tư dài hạn khác	15.2	15.490.700.000	31.805.875.202
- Đầu tư cổ phiếu		13.214.200.000	13.214.200.000
- Cho vay dài hạn		-	7.162.997.949
- Đầu tư dài hạn khác		2.276.500.000	11.428.677.253
		<b>35.553.312.333</b>	<b>51.506.739.780</b>

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Thuyết minh	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	(i)	46,31%	55.562	4.198.832.828	54.784	4.179.236.092
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	(ii)	38,39%	2.150.000	-	2.150.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	(iii)	31,16%	1.500.000	15.863.779.505	1.500.000	15.521.628.486
				<b>20.062.612.333</b>		<b>19.700.864.578</b>

Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Tổng cộng
Số đầu năm	4.179.236.092	-	15.521.628.486	19.700.864.578
Tăng do mua thêm cổ phần	233.400.000	-	-	233.400.000
Tăng khác	1.075.545.133	-	-	1.075.545.133
Phân bổ lợi thế thương mại	(1.133.561.706)	-	-	(1.133.561.706)
Phản lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	(155.786.691)	-	342.151.019	186.364.328
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.198.832.828</b>	<b>-</b>	<b>15.863.779.505</b>	<b>20.062.612.333</b>

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800115518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 4 tháng 3 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại số 25A Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa là kinh doanh dịch vụ khách sạn, kinh doanh dịch vụ quản lý nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh và kinh doanh nhà kho, bến bãi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 46,31% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)**

*(ii) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển*

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 16 tháng 5 năm 2014 được ký giữa Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển, các cổ đông sáng lập của công ty này là Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn và Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và nhà đầu tư, toàn bộ số cổ phần của các cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển nhượng cho đơn vị nhận chuyển nhượng với giá bán là 58,3 tỷ đồng, trong đó 50,5 tỷ đồng sẽ được sử dụng để thanh toán cho các khoản nợ của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển. Tuy nhiên, các thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần vẫn chưa được hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo đó Công ty tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển là một khoản đầu tư công ty liên kết.

*(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân*

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801700568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 18 tháng 7 năm 2011. Công ty này có trụ sở chính tại thôn 8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân là trồng cây mía, dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh các sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 31,16% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

**15.2 Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VNĐ	Số cổ phần	VNĐ
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>13.214.200.000</b>		<b>13.214.200.000</b>
Công ty Cổ phần MB Land	900.000	900.000.000	900.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	231.420	2.314.200.000	231.420	2.314.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
<b>Cho vay dài hạn</b>		<b>-</b>		<b>7.162.997.949</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn		-		6.600.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn		-		562.997.949
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>2.276.500.000</b>		<b>11.428.677.253</b>
Công ty Cổ phần Du lịch & Thương mại Lam Sơn (*)		-		3.000.000.000
Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh		-		6.152.177.253
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000
		<b>15.490.700.000</b>		<b>31.805.875.202</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.2 Đầu tư dài hạn khác** (tiếp theo)

(\*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 14, sau khi thực hiện và hoàn thành việc tăng vốn góp bằng tài sản vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn vào ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký kết các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2014/HĐCNCP và số 02/2014/HĐCNCP ngày 27 tháng 6 năm 2014 để chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần góp tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn với giá chuyển nhượng là 30 tỷ đồng.

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước	25.802.320.788	13.707.616.108
Dự án tưới nước nhỏ giọt	3.884.598.255	-
Dự án tưới nước ngầm	-	960.124.461
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	826.450.278	1.790.797.265
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.688.704.529	2.610.914.992
	<b><u>33.202.073.850</u></b>	<b><u>19.069.452.826</u></b>

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng (**)	510.240.040.280	393.869.234.020
Vay đối tượng khác (*)	1.330.000.000	800.000.000
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 22)	-	2.000.000.000
	<b><u>511.570.040.280</u></b>	<b><u>396.669.234.020</u></b>

(\*) Vay đối tượng khác bao gồm các khoản vay ngắn hạn từ Quỹ khuyến học của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn căn cứ theo hợp đồng ngày 17 tháng 10 năm 2013 và hợp đồng vay ngày 4 tháng 11 năm 2014 với số tiền tương ứng là 800 triệu đồng và 180 triệu đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất 6,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 5 tháng 8 năm 2015. Lãi vay được trả tại ngày đáo hạn của khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(\*\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VNĐ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	313.982.586.081	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 10 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng.	4% - 9%	Tin chấp tại Công ty và toàn bộ tài sản của Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thanh Hóa	22.849.252.883	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng.	5,8%	Tin chấp, các khoản phải thu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thanh Hóa	151.657.199.666	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 6 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	5,8% - 9%	Hàng tồn kho và các vật tư hàng hóa khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	20.500.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	5,8%	Tin chấp, các khoản phải thu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	1.251.001.650	Kỳ hạn cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 5 năm 2015. Lãi vay trả hàng tháng	8,5%	Các khoản phải thu, hàng tồn kho hình thành từ vốn vay
	<b>510.240.040.280</b>			

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	11.166.396.271	6.765.415.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	7.175.696.342	4.036.842.205
Thuế thu nhập cá nhân	-	25.406.062
Thuế tài nguyên	6.640	10.719.996
Các khoản phải nộp khác	12.645.566	7.657.140
	<b>18.360.534.819</b>	<b>10.846.040.452</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí lãi vay	4.554.316.131	6.513.404.704
Chi phí Dự án nhà máy điện năng lượng tái tạo công suất 12,5 MW	-	9.088.913.882
Chi phí giao thông vùng mía và vận chuyển mía	40.776.063	-
Các khoản khác	4.947.979.133	907.483.786
	<b><u>9.543.071.327</u></b>	<b><u>16.509.802.372</u></b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Quỹ của cán bộ công nhân viên góp từ lương (*)	-	14.833.319.073
Phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận	8.359.944.049	8.359.944.049
Phải trả các đối tác đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Lam Sơn	-	4.655.000.000
Kinh phí công đoàn	1.903.036.784	2.175.541.257
Cổ tức phải trả	2.136.571.913	1.343.441.300
Bảo hiểm xã hội	608.393.440	536.004.706
Các khoản phải trả khác	6.738.105.219	7.346.474.287
	<b><u>19.746.051.405</u></b>	<b><u>39.249.724.672</u></b>

(\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 57-NQ/ĐLS-HĐQT ngày 12 tháng 7 năm 2014, Công ty đã chuyển khoản đóng góp của cán bộ công nhân viên với số tiền là 14,5 tỷ đồng sang quỹ khen thưởng, phúc lợi để sử dụng các hoạt động phúc lợi cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	55.980.519.327	59.850.338.214
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 24)	3.943.881.310	5.360.147.429
Chuyển từ quỹ cán bộ công nhân viên (Thuyết minh số 20)	14.500.000.000	-
Sử dụng quỹ trong năm	(5.665.531.994)	(9.229.966.316)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>68.758.868.643</u></b>	<b><u>55.980.519.327</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 24.1)	-	200.000.000.000
Vay dài hạn khác (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
	<b>2.000.000.000</b>	<b>202.000.000.000</b>

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	-	2.000.000.000
Vay dài hạn	2.000.000.000	200.000.000.000

(\*) Đây là khoản vay từ Công đoàn Công ty theo Hợp đồng số 02/HĐ/CĐ-Lasuco ngày 1 tháng 1 năm 2014 (thay thế cho hợp đồng cũ 02/HĐ/CĐ-LASUCO ngày 1 tháng 12 năm 2011). Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2016 và có lãi suất là 7,5%/năm, được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần.

**23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	47.025.014.732	47.880.236.884
Trích lập quỹ trong năm (*)	5.500.000.000	-
Tăng khác	3.489.506.239	-
Sử dụng quỹ trong năm	(630.833.204)	(855.222.152)
<b>Số cuối năm</b>	<b>55.383.687.767</b>	<b>47.025.014.732</b>

Trong đó:

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	48.140.464.767	47.025.014.732
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	7.243.223.000	-

(\*) Công ty trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% trên tổng thu nhập chịu thuế ước tính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>									
Số đầu năm	500.000.000.000	180.276.411.784	286.627.141	-	480.452.896.399	61.310.648.245	133.182.845	33.192.207.854	1.255.651.974.268
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	40.444.814.181	40.444.814.181
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	13.342.654.296	1.783.724.964	-	(16.136.231.689)	(1.009.852.429)
- Giảm do thoái vốn trong công ty con	-	-	(286.627.141)	-	(68.003.903)	(150.362.011)	-	(6.389.672.814)	(6.894.665.869)
- Tăng khác	-	-	-	1.052.827	-	-	-	-	1.052.827
- Giảm khác	-	-	-	(1.052.827)	(2.659.956.504)	(87.326.742)	-	3.081.384.728	333.048.655
<b>Số cuối năm</b>	<b>500.000.000.000</b>	<b>180.276.411.784</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>491.067.590.288</b>	<b>62.856.684.456</b>	<b>133.182.845</b>	<b>54.192.502.260</b>	<b>1.288.526.371.633</b>
<b>Năm nay</b>									
Số đầu năm	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	491.067.590.288	62.856.684.456	133.182.845	54.192.502.260	1.288.526.371.633
- Tăng vốn (*)	200.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	200.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	51.343.714.863	51.343.714.863
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	(3.025.246.665)	(3.025.246.665)
- Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	4.201.305.174	498.483.224	-	(5.112.412.984)	(412.624.586)
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	-	-	(72.500.000.000)	(72.500.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	12.071.757.333	1.971.940.655	-	(14.043.697.988)	-
- Tăng (giảm) khác (***)	-	-	-	-	(13.363.636)	-	-	(3.943.881.310)	(3.943.881.310)
<b>Số cuối năm</b>	<b>700.000.000.000</b>	<b>180.276.411.784</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>507.327.289.159</b>	<b>65.327.108.335</b>	<b>133.182.845</b>	<b>12.645.845.151</b>	<b>1.465.709.837.274</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

- (\*) Theo Nghị quyết số 78/NQ/ĐLS-HĐQT ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện thành công việc chuyển đổi 2.000.000 trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu (1 trái phiếu chuyển đổi bằng 10 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu) và các cổ phiếu phát hành bổ sung này đã được niêm yết vào ngày 19 tháng 12 năm 2014 (bao gồm 5.000.000 cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng cho đến ngày 10 tháng 10 năm 2017).
- (\*\*) Bao gồm cổ tức năm 2012, năm 2013 và tạm chia cổ tức năm 2014 với giá trị tương ứng là 22,5 tỷ đồng, 27,5 tỷ đồng và 22,5 tỷ đồng.
- (\*\*\*) Phần tăng/(giảm) khác trong năm chủ yếu là do Công ty đã điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối liên quan đến các điều chỉnh tăng/(giảm) các khoản mục chi phí và doanh thu phát sinh trong các năm tài chính trước theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa ngày 14 tháng 12 năm 2013 (đối với năm tài chính 2012) và Biên bản thanh tra của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 2014 (đối với năm tài chính 2013).

**24.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp**

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	70.000.000	70.000.000	-	50.000.000	50.000.000	-
	<b>70.000.000</b>	<b>70.000.000</b>	<b>-</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>-</b>

**24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	200.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<b>700.000.000.000</b>	<b>500.000.000.000</b>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>72.500.000.000</b>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2013: 10.000 VNĐ).

**24.4 Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>70.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	50.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.5 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức tạm chia cho năm 2014: 450 VNĐ/cổ phiếu	22.500.000.000	-
Cổ tức cho năm 2013: 550 VNĐ/cổ phiếu	27.500.000.000	-
Cổ tức cho năm 2012: 450 VNĐ/cổ phiếu	-	22.500.000.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	-	-

**25. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.509.655.834	19.133.480.674
(Lỗ)/lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	(4.922.031.038)	1.114.095.518
Các điều chỉnh giảm khác	(6.143.547.066)	(8.737.920.358)
<b>Số cuối năm</b>	<b>444.077.730</b>	<b>11.509.655.834</b>

**26. DOANH THU**

**26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.733.109.059.477</b>	<b>1.848.159.136.143</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.721.487.130.750	1.822.604.513.432
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	11.621.928.727	25.554.622.711
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>81.478.771</b>	<b>770.237.703</b>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	9.300.200	14.978.181
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	72.178.571	755.259.522
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.733.027.580.706</b>	<b>1.847.388.898.440</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa</i>	1.721.414.952.180	1.821.834.275.729
<i>Doanh thu thuần dịch vụ</i>	11.612.628.526	25.554.622.711

**26.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.353.078.969	2.045.904.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.105.212.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	124.856.680
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.636.069
Lãi bán hàng trả chậm	2.575.464.720	1.173.593.985
Doanh thu hoạt động tài chính khác	77.869.504	614.127.000
<b>4.006.413.193</b>	<b>5.065.330.859</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.519.696.655.373	1.613.436.923.947
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.249.513.147	12.240.239.228
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.044.890.033)
	<b><u>1.525.946.168.520</u></b>	<b><u>1.621.632.273.142</u></b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	60.206.836.657	86.529.077.787
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	906.909.612	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.022.139.500	11.969.016.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	196.948.425	255.725.370
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(121.660.781)
Chi phí tài chính khác	-	200.000.000
	<b><u>65.332.834.194</u></b>	<b><u>98.832.159.216</u></b>

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>6.721.139.306</b>	<b>9.978.373.144</b>
Tiền bán sắt thép phế liệu	-	2.806.400.000
Thu thanh lý tài sản	550.000.000	5.241.672.779
Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản đem đầu tư	1.721.334.497	-
Thu lại quỹ trợ cấp mất việc làm đã chi năm 2012	-	737.899.732
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	3.827.434.514	-
Thu nhập khác	622.370.295	1.192.400.633
<b>Chi phí khác</b>	<b>6.956.255.580</b>	<b>10.791.591.172</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và vật tư tiêu hủy	1.331.937.261	6.658.770.836
Chi phí thiệt hại mất rĩ	-	2.504.919.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	4.770.188.517	-
Chi phí tư vấn dự án cơ chế phát triển sạch CDM	394.807.899	-
Chi phí khác	459.321.903	1.627.900.992
<b>LỖ THUẬN KHÁC</b>	<b><u>(235.116.274)</u></b>	<b><u>(813.218.028)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.205.399.772.355	1.402.794.111.182
Chi phí nhân công	76.943.126.230	112.317.141.458
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	138.596.900.988	117.452.483.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.211.621.209	51.123.626.668
Chi phí tài chính	60.206.836.657	86.529.077.787
Chi phí khác	37.116.501.411	57.737.187.276
	<b><u>1.561.474.758.850</u></b>	<b><u>1.827.953.628.214</u></b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22% lợi nhuận chịu thuế. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn, thu nhập từ hoạt động này được miễn thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.758.503.216	13.766.775.430
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(311.131.678)	191.274.365
	<b><u>15.447.371.538</u></b>	<b><u>13.958.049.795</u></b>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**31.2 Thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>61.869.055.363</b>	<b>55.516.959.494</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các khoản phạt	212.395.564	577.476.740
Khấu hao vượt mức quy định	334.922.511	334.922.511
Chi phí khấu hao nhà máy còn dừng sản xuất	4.770.188.517	-
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	364.000.000	478.056.765
Dự phòng phải thu khó đòi	182.081.212	-
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, ghi nhận phần lỗ trong công ty liên kết và phân bổ lợi thế thương mại	2.671.848.683	6.270.612.618
Các khoản tăng khác	81.107.914	478.268.594
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện năm trước cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(1.930.459.106)	-
Thay đổi trong dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	(8.124.653.340)	(10.545.773.170)
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải CER	(3.432.626.615)	-
Cổ tức được chia	-	(2.150.059.500)
Các khoản giảm khác	-	(358.877.054)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>56.997.860.703</b>	<b>50.601.586.998</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(585.855.909)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>56.412.004.794</b>	<b>50.601.586.998</b>
<i>Thu nhập chịu thuế</i>	<i>72.766.082.794</i>	<i>55.067.101.720</i>
<i>Lỗ của các công ty con (*)</i>	<i>(16.354.078.000)</i>	<i>(4.465.514.722)</i>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>16.008.538.216</b>	<b>13.766.775.430</b>
Điều chỉnh giảm thuế TNDN năm 2013	(250.035.000)	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	4.036.842.205	11.547.262.554
Thuế TNDN phải nộp bổ sung các năm trước (**)	4.221.144.839	(316.453.753)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(16.840.793.918)	(20.960.742.026)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>7.175.696.342</b>	<b>4.036.842.205</b>

(\*) Đây là khoản lỗ trong năm của các công ty con. Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

(\*\*) Đây là các khoản điều chỉnh tăng thuế TNDN trích thiếu trong các năm tài chính trước theo Quyết định của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa ngày 14 tháng 12 năm 2013 (đối với năm tài chính 2012) và Biên bản thanh tra của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa ngày 13 tháng 6 năm 2014 (đối với năm tài chính 2013).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**31.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	365.262.603	54.526.473	310.736.130	(191.274.365)
	<b>365.262.603</b>	<b>54.526.473</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Các khoản chênh lệch phát sinh	-	(395.548)	395.548	-
	-	<b>(395.548)</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>			<b>311.131.678</b>	<b>(191.274.365)</b>

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
			<i>Giá trị</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu Cung cấp hàng hóa	101.715.522.850	350.070.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	Điều chỉnh giảm lãi vay Cho vay trong năm Phân loại lại phần gốc vay không chịu lãi	4.022.139.500	472.444.970
			8.031.615.336	

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty và các công ty con bán hàng và mua hàng đối với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu</i>
<b>Phải thu khách hàng</b> (Thuyết minh số 7.1)			
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	151.604.650
			<b><u>3.073.207.650</u></b>
<b>Trả trước cho người bán</b> (Thuyết minh số 7.2)			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mía	56.583.243.110
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000
			<b><u>57.465.243.110</u></b>
<b>Phải thu khác</b> (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306
			<b><u>8.504.060.306</u></b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng		3.267.983.032	2.125.996.019
		<b><u>3.267.983.032</u></b>	<b><u>2.125.996.019</u></b>

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.343.714.863	40.444.814.181
Lãi của trái phiếu có quyền chuyển đổi trong năm	-	18.000.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>51.343.714.863</b>	<b>58.444.814.181</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	51.343.714.863	50.000.000
<i>Ảnh hưởng của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi</i>		
Số lượng trái phiếu chuyển đổi	-	20.000.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>54.493.151</b>	<b>70.000.000</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	942	809
- Lãi suy giảm (*)	942	809

(\*) Khoản trái phiếu chuyển đổi này có ảnh hưởng suy giảm ngược trong năm 2013.

**34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng 84,19% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty và các công ty con có cam kết khoảng 24,8 tỷ đồng Việt Nam từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu chuyển đổi, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty và các công ty con có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con. Công ty và các công ty con đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty và các công ty con để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty và các công ty con nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty và các công ty con chủ yếu liên quan đến tiền các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn chịu lãi suất thả nổi của Công ty và các công ty con.

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty và các công ty con dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**Rủi ro thị trường** (tiếp theo)

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty và các công ty con như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty và các công ty con là không đáng kể):

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Năm nay</b>		
VNĐ	+75	(3.261.439.144)
VNĐ	-75	3.261.439.144
<b>Năm trước</b>		
VNĐ	+25	(2.595.276.982)
VNĐ	-25	2.595.276.982

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty và các công ty con có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty và các công ty con như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty và các công ty con lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty và các công ty con không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty và các công ty con không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là không đáng kể.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Tất cả các cổ phiếu được nắm giữ bởi Công ty và các công ty con trong năm là cổ phiếu chưa niêm yết. Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty và các công ty con nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty và các công ty con cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty và các công ty con có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty và các công ty con quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty và các công ty con chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty và các công ty con có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty và các công ty con quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty và các công ty con có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty và các công ty con thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty và các công ty con thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty và các công ty con chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty và các công ty con theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty và các công ty con đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính hợp nhất là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Công ty và các công ty con nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty và các công ty con gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty và các công ty con chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty và các công ty con giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và các công ty con và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>			
	<i>Bất kỳ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	511.570.040.280	2.000.000.000	513.570.040.280
Phải trả người bán	67.657.090.949	-	-	67.657.090.949
Chi phí phải trả	4.988.755.196	4.554.316.131	-	9.543.071.327
Các khoản phải trả khác	15.098.049.268	-	-	15.098.049.268
	<b>87.743.895.413</b>	<b>516.124.356.411</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>605.868.251.824</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay và nợ	-	396.669.234.020	-	396.669.234.020
Phải trả người bán	68.249.641.180	-	-	68.249.641.180
Chi phí phải trả	9.996.397.668	6.513.404.704	-	16.509.802.372
Các khoản phải trả khác	20.361.418.336	-	-	20.361.418.336
	<b>98.607.457.184</b>	<b>403.182.638.724</b>	<b>-</b>	<b>501.790.095.908</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	15.490.700.000	-	18.490.700.000	-	15.490.700.000	18.490.700.000
- Có phiếu chưa niêm yết	15.490.700.000	-	18.490.700.000	-	15.490.700.000	18.490.700.000
Phải thu khách hàng	175.041.575.880	(3.392.453.367)	61.537.800.906	(2.480.794.580)	171.649.122.513	59.057.006.326
Phải thu khác	26.630.071.846	(22.500.000)	26.765.006.477	(22.500.000)	26.607.571.846	26.742.506.477
Các khoản tài sản tài chính dài hạn khác	-	-	7.162.997.949	-	-	7.162.997.949
Tiền và các khoản tương đương tiền	230.408.794.588	-	22.984.476.131	-	230.408.794.588	22.984.476.131
	<b>447.571.142.314</b>	<b>(3.414.953.367)</b>	<b>136.940.981.463</b>	<b>(2.503.294.580)</b>	<b>444.156.188.947</b>	<b>134.437.686.883</b>

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	513.570.040.280	396.669.234.020	513.570.040.280	396.669.234.020
Trái phiếu chuyển đổi	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Phải trả người bán	67.657.090.949	68.249.641.180	67.657.090.949	68.249.641.180
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	24.641.120.595	36.871.220.708	24.641.120.595	36.871.220.708
	<b>605.868.251.824</b>	<b>701.790.095.908</b>	<b>605.868.251.824</b>	<b>701.790.095.908</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty và các công ty con sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ; và
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản nợ tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cho các công cụ tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và các công ty con và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con.

  
 Người lập  
Lê Đức Anh

  
 Kế toán trưởng  
Lê Thị Huệ

  
  
 Tổng Giám đốc  
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015